

Di sản văn hóa tiêu biểu Thời Lý

2

3. Múa rối nước

Vào thời Lý, các loại hình văn nghệ đã trở nên đa dạng. Lý Thái Tổ có đặt chức "quan giáp" để trông coi người ca múa. Lý Nhân Tông cho xây nhà múa (vũ đình). Các trò tiêu khiển như múa khiên, đánh cầu rất phổ biến trong giới quý tộc cũng như trong dân gian. Múa rối nước, một nghệ thuật dân gian độc đáo của Việt Nam, đã được khôi phục từ trước thời nhà Lý tại đồng bằng sông Hồng. Dưới thời nhà Lý, thể loại nghệ thuật này trở nên tinh xảo và từ đó truyền đến bây giờ. Có tài liệu xác định năm 1121 là mốc mà múa rối nước trở thành một nghệ thuật phổ biến. Đó là bia đá Sùng Thiện Diên Linh (chùa Chọi, Duy Tiên, Nam Hà), ghi lại việc diễn rối nước như một nghi lễ mang tính nghệ thuật để mừng thọ nhà vua. Hiện nay, ở trước cửa chùa Thầy (Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Tây), trên hồ Long Trì, còn lại một di tích gần như nguyên vẹn của một sân khấu rối nước được xây cất từ thời Lê.

Múa rối nước là một nghệ thuật biểu diễn bằng con rối trên mặt nước, kết hợp một

cách kỳ ảo hai yếu tố rôi và nước. Sân khấu của rôi nước là ao, hồ của làng mạc thôn quê. Khán đài là bãi cỏ quanh đấy. Rất thuận tiện cho dân chúng đến thưởng lãm.

Trên nước là một tòa thủy đình hai tầng, tầng trên dùng để thờ Tô, tầng dưới là hậu trường có màn che. Khác với các loại hình biểu diễn khác, nghệ nhân của trò múa rôi nước không xuất hiện trên sân khấu. Họ đứng trong nước, núp sau bức màn tre, điều khiển các con rôi bằng một hệ thống que, dây phức tạp, đòi hỏi trình độ kỹ thuật, nghệ thuật tinh xảo.

Các con rôi được làm bằng gỗ, thường là gỗ sung, vì gỗ sung nhẹ, nổi trên nước được. Rôi cao không quá 50cm và được điêu khắc một cách tinh xảo. Chúng được sơn phết lộng lẫy bằng sơn ta để không bị đổi màu khi xuống nước và không thấm nước. Mỗi con rôi là một tác phẩm điêu khắc của các nghệ nhân. Họ phải nghiên cứu kịch bản, phác ra trên giấy một hình tượng rôi với đủ tính chất, thần sắc cùng vóc dáng, trang phục phù hợp với nhân vật, sau đó mới đến giai đoạn đục khắc trên gỗ. Gỗ sung phải có số tuổi từ 4 đến 5 năm mới thích hợp, vì nếu gỗ non quá thì dễ bị mục. Do nước hủy hoại, các con rôi chỉ được sử dụng nhiều lắm là 100 buổi diễn. Hình tượng các con rôi thường là những con người, con vật quen thuộc

của cuộc sống Việt Nam như nông dân, ông câu, con cá, ếch, nhái, rùa...

Trước đây, múa rối nước biểu diễn không lời, chỉ dùng động tác để diễn tả. Về sau, múa rối trở nên phong phú hơn, không những có lời mà còn được tăng cường thêm nhạc và cả pháo bông nữa. Mở đầu buổi diễn thường có trò bật cờ. Sau hồi chiêng trống inh ỏi pháo nổ dồn tan, từng chiếc cờ sắc sỡ đột nhiên từ dưới nước phóng lên, tạo nên một bầu không khí háo hức. Sau đó là các màn diễn. Nội dung của các vở diễn là những câu chuyện thần tiên hay chuyện đời thường ý nhị. Các con rối xuất hiện bất ngờ thoát ần, thoăn trên làn nước lung linh, rất thần diệu. Đó là cảnh đôi rồng vàng uống lượn, nhảy vờn, miệng phun nước, bỗng nhiên lặn xuống, biến mất, rồi bất chợt phóng lên, phun đầy lửa khói. Hoặc có khi là cảnh nông dân, trâu cày lội chìm trong nước. Trẻ con bơi lội, nô đùa, ếch nhái nhảy tung tăng. Một chú chồn bắt được vịt con, phóng tuốt lên cao. Có chàng nôm cá. Cả đàn cá con nổi đuôi theo cá mẹ, thế mà chàng chài không nôm được, lại chộp trúng vào một cô thôn nữ đang bì bõm lội. Hoặc đây là cảnh hai đô vật đang tranh tài. Họ xông vào nhau, ôm ghì lấy nhau, lừa miếng, đẩy, chống, thiện nghệ chẳng khác gì đô vật thật. Đặc biệt, rối nước có nhân vật chú Tễu, một chàng trai có thân hình lực lưỡng, nét mặt vui tươi, chuyên đóng vai hề như trong hát chèo. Ngoài ra

còn có các vở diễn có nội dung là những truyện cổ Việt Nam như "Tấm Cám", "Thạch Sanh".

Múa rối nước thường được biểu diễn tại các lễ hội, như hội Gióng Phù Đổng, hội chùa Thầy, hội chùa Trăm Gian... Đặc biệt làng Nguyễn ở xã Nguyễn Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình là có truyền thống, còn sáng tác thêm các vở hiện đại như "Bình dân học vụ", "Chiến thắng sông Lô".

Múa rối nước là sản phẩm tinh thần độc đáo của cư dân lúa nước vùng đồng bằng sông Hồng. Hiện nay múa rối nước đã phát triển khắp nước và càng khẳng định giá trị nghệ thuật của mình. Múa rối nước không những chỉ chinh phục lòng ngưỡng mộ của người Việt Nam mà còn của thế giới nữa. Các cuộc lưu diễn nước ngoài đã giới thiệu thành công thể loại văn hóa tuyệt diệu này, làm thành một nhịp cầu giao lưu giữa Việt Nam và các nước bạn.

4. Hình tượng con rồng Việt Nam

Con rồng là một hình tượng có vị trí đặc biệt trong văn hóa, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam và đã từng là biểu tượng linh thiêng liên quan đến truyền thuyết con rồng cháu tiên của người Việt. Rồng là hình ảnh mà các vua Việt Nam phải xăm lên đùi mình để giữ truyền thống của cư dân ven biển. Đến đời vua Trần Anh

Tông (1293-1314) mới chấm dứt tục xăm rồng trên đùi của các vua. Rồng là tượng trưng cho quyền uy tuyệt đối của các đấng thiên tử (bệ rồng, mình rồng). Rồng là hình tượng của mưa thuận gió hòa, là vật linh đứng vào hàng bậc nhất trong tứ linh "long, lân, quy, phụng". Vì thế, hình tượng con rồng Việt Nam tương phản với hình tượng con rồng độc ác, tượng trưng cho cái xấu của các nước phương Tây.

Hình tượng rồng đã được hình dung lên từ thời đại Hùng Vương qua con vật thân dài có vây như cá sấu được chạm trên các đồ đồng thời ấy.

Qua thời kỳ Bắc thuộc dài đằng đẵng, con rồng Việt Nam xuất hiện rõ nét dưới thời Lý. Hình ảnh "rồng bay lên" Thăng Long tượng trưng cho khí thế vươn lên của dân tộc, được đem đặt cho đất đế đô. Rồng thời Lý tượng trưng cho mơ ước của cư dân trồng lúa nước nên luôn luôn được tạo trong khung cảnh của nước, của mây cuộn. Rồng thời Lý là con vật mình dài như rắn, thân trơn nếu là con nhỏ, còn con lớn thì thân có vẩy và lưng có vây. Thân rồng uốn cong nhiều vòng uyển chuyển theo hình "Omega", mềm mại và thoải nhõ dần về phía đuôi. Rồng có bốn chân, mỗi chân có ba móng cong nhọn. Đầu rồng ngẩng cao, há miệng rộng với

hai hàm răng nhỏ đang vờn đớp viên ngọc quý. Từ mũi thoát ra mào rồng có dạng ngọn lửa, vì thế được gọi là mào lửa. Trên trán rồng có một hoa văn giống hình chữ "S", cổ tự của chữ "lôi", tượng trưng cho sấm sét, mây mưa.

Hình tượng con rồng thời Trần có nhiều biến đổi so với thời Lý. Rồng thời Trần không còn mang nặng ý nghĩa mơ ước nguồn nước nữa. Dạng tự chữ "S" dần dần mất đi hoặc biến dạng thành hình con, đồng thời xuất hiện thêm hai chi tiết là cặp sừng và đôi tay. Đầu rồng uy nghi và đường bệ với chiếc mào lửa ngắn hơn. Thân rồng tròn lẳn, mập mạp, nhỏ dần về phía đuôi, uốn khúc nhẹ, lưng vồng hình yên ngựa. Đuôi rồng có nhiều dạng, khi thì đuôi thẳng và nhọn, khi thì xoắn ốc. Các vẩy cũng đa dạng. Có vẩy như những nửa hình hoa tròn nhiều cánh đều đặn, có vẩy chỉ là những nét cong nhẹ nhàng.

Rồng thời Lê (thế kỷ XV) thay đổi hẳn. Rồng không nhất thiết là một con vật mình dài rần uốn lượn đều đặn nữa mà ở trong nhiều tư thế khác nhau. Đầu rồng to, bờm lớn ngược ra sau, mào lửa mất hẳn, thay vào đó là một chiếc mũi to. Thân rồng lượn hai khúc lớn. Chân có năm móng sắc nhọn quắp lại dữ tợn. Rồng thời Lê tượng trưng cho quyền uy phong kiến. Cũng chính bắt đầu từ thời đại này xuất hiện quan niệm tứ linh (bốn con vật thiêng) tượng trưng cho uy quyền của vương

triều Rông đứng đầu trong tứ linh. Ba vật thiêng kia là lân (tượng trưng cho sự thái bình và minh chúa), qui (con rùa - tượng trưng sự bền vững của xã tắc) và phụng (tượng trưng cho sự thịnh vượng của triều đại).

Rông thời Trịnh Nguyễn vẫn còn đứng đầu trong bộ tứ linh nhưng đã được nhân cách hóa, được đưa vào đời thường như hình rồng mẹ có bảy rồng con quây quần, rồng đuổi bắt mối, rồng trong cảnh lúa đôi.

Con rồng thời Nguyễn trở lại về uy nghi tượng trưng cho sức mạnh thiêng liêng.

Rông được thể hiện ở nhiều tư thế, ẩn mình trong đám mây, hoặc ngậm chữ thọ, hai rồng châu mặt trời, châu hoa cúc, châu chữ thọ... Phần lớn mình rồng không dài ngoằn mà uốn lượn vài lần với độ cong lớn. Đầu rồng to, sừng giống sừng hươu chĩa ngược ra sau. Mắt rồng lộ to, mũi sư tử, miệng há lộ răng nanh. Vây trên lưng rồng có tia, phân bố dài ngắn đều đặn. Râu rồng uốn sóng từ dưới mắt chìa ra cân xứng hai bên. Hình tượng rồng dùng cho vua có năm móng, còn lại là bốn móng.

Hiện nay hình tượng con rồng tuy không còn tính chất thiêng liêng, tối thượng nhưng vẫn được đưa vào trang trí cho các công trình kiến trúc, hội họa, chạm,